TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **143**a/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2021
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung
Ông Hoàng Hữu Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành***: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1103/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên toà số 131/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2021, 155/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2021, 178/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2021, 212/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2021, 250/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2021, 297/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: khóm 5, thị trấn S, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ hiện nay: tổ 23, ấp 3, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Võ Thanh N1, sinh năm 1985

Địa chỉ: tổ 27, ấp 3, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn ông Nguyễn Thị N trình bày:

Tôi và ông N1 tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 29/7/2020.

Sau thời gian chung sống hai bên tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rất nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng

không hạnh phúc, hai bên có những bất đồng mà không thể giải quyết được, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 9 đến nay. Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với ông N1, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông N1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Võ Thanh N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông N1 đều vắng mặt nên không có lời khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Thanh N1.

+ Về con chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Thanh N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông N1.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Thanh N1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 29/7/2020. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Võ Thanh N1 là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông N1 là trầm trọng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rất nghiêm trọng trong cuộc sống; hai người đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (tổ 27, ấp 3, xã T, huyện Long Thành) về tình trạng hôn nhân của bà N, ông N1; kết quả như sau: Ông Võ Thanh N1 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương. Bà N và ông N1 có đăng ký kết hôn tại địa phương. Quá trình chung sống tại địa phương giữa bà N và ông N1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát với nhau; tháng 01/2021 ông N1 vì mâu thuẫn với bà N và phía gia đình bà N nên đã có hành vi xô xát gây thương tích cho người nhà của bà N, hiện tại địa phương đang xem xét giải quyết vụ việc.

Bị đơn ông Võ Thanh N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông N1 đều vắng mặt cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông N1 không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà N nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông N1 không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà N, ông N1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với ông Võ Thanh N1.

[3.2] Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị N khai là không có tài sản chung; Mặt khác chưa có lời khai, yêu cầu của bị đơn ông Võ Thanh N1, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà N khai là không có nợ chung; Chưa có lời khai của bị đơn ông Võ Thanh N1, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Thanh N1.

2. Về con chung: Không có; không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà N nộp, theo Biên lai thu số 0005240 ngày 29/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà N phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Đức Chung **Hoàng Hữu Minh** **Phạm Ngọc Quyền**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Bình;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền